

Số: 36/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các tổ chức, cá nhân
tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí
theo quy định của Luật dầu khí**

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06/07/1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí số 19/2000/QH10 ngày 09/06/2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí số 10/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành;

Căn cứ Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ Ban hành hợp đồng mẫu của Hợp đồng Chia sản phẩm dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn các quy định về thuế đối với: các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là nhà thầu) tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu thô, condensate (sau đây gọi chung là dầu thô) và khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than (sau đây gọi chung là khí thiên nhiên) tại Việt Nam theo quy định của Luật Dầu khí; và các bên có quan hệ liên kết với nhà thầu tham gia trong hợp đồng dầu khí.

Các bên có quan hệ liên kết nêu trên là các bên có mối quan hệ như một trong các trường hợp dưới đây:

- Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư dưới mọi hình thức vào bên kia;

- Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư dưới mọi hình thức của một bên khác;

- Các bên cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư dưới mọi hình thức vào một bên khác.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” từ lô 09-1 theo quy định tại Hiệp định 2010 và Nghị định thư 2013 giữa Chính phủ Việt Nam và Liên bang Nga trừ quy định về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí quy định tại Mục 4 Thông tư này.

Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế là các bên nhà thầu tham gia trong hợp đồng dầu khí.

Người nộp thuế ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai thuế và người nộp thuế tự thực hiện nộp các khoản thuế phát sinh theo quy định; hoặc Người nộp thuế ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai, nộp các khoản thuế phát sinh theo quy định.

2. Trường hợp hợp đồng dầu khí có thỏa thuận Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay mặt các nhà thầu nộp các loại thuế thì Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai thuế và Tập đoàn tự thực hiện nộp các khoản thuế phát sinh theo quy định; hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung thực hiện khai, nộp các khoản thuế phát sinh theo quy định.

3. Người nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 23 Mục 4 Chương II Thông tư này.

Điều 3. Đồng tiền khai, nộp thuế

1. Đồng tiền khai, nộp các loại thuế hướng dẫn tại Thông tư này gồm thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí là đô la Mỹ.

2. Trường hợp dầu thô, khí thiên nhiên được bán tại thị trường Việt Nam, giá bán được xác định trên cơ sở đô la Mỹ thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam.

Việc quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam để tính thuế, nộp thuế được thực hiện theo tỷ giá mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập hóa đơn.

3. Trường hợp dầu thô, khí thiên nhiên được bán và thu bằng đô la Mỹ nhưng người nộp thuế nộp thuế bằng đồng Việt Nam theo quy định của Chính phủ thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam.

Việc quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam để thanh toán cho khoản nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Địa điểm đăng ký thuế, khai, nộp thuế

1. Địa điểm đăng ký thuế, khai, nộp thuế (trừ thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu) là Cục Thuế địa phương nơi người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung đặt trụ sở, văn phòng điều hành chính.

2. Đối với các hợp đồng dầu khí đã tiến hành khai thác trước khi ban hành Thông tư này, địa điểm khai, nộp thuế thực hiện theo các hướng dẫn trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Nguyên tắc xác định giá tính thuế

1. Đối với dầu thô, giá tính thuế theo quy định tại Thông tư này là giá bán dầu thô tại điểm giao nhận được xác định theo giao dịch sòng phẳng.

“Giao dịch sòng phẳng” là việc bán tại thị trường Việt Nam và trên thị trường quốc tế bằng đồng tiền tự do chuyển đổi giữa người bán và người mua tự nguyện và không có liên quan, nhưng không bao gồm việc bán bởi một bên cho một chi nhánh của họ, bán giữa các chính phủ hoặc các tổ chức do chính phủ sở hữu hoặc giao dịch trao đổi hoặc đổi hàng và các lần bán không theo giá thị trường tự do quốc tế.

“Điểm giao nhận” là điểm mà tại đó dầu khí chạm mặt vách ngoài của tàu dầu hoặc phương tiện tàng chứa dùng để lấy hoặc tiêu thụ dầu khí hoặc những điểm khác theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng dầu khí mà ở đó dầu khí được chuyển giao quyền sở hữu cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí.

Trường hợp dầu thô được bán không theo giao dịch sòng phẳng thì giá tính thuế đối với dầu thô là giá bán trung bình cộng của tháng xuất bán dầu thô của dầu thô cùng loại hoặc tương đương trên thị trường quốc tế. Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan thuế các thông tin về thành phần, chất lượng của dầu thô đang khai thác. Khi cần thiết, cơ quan thuế tham khảo giá bán trên thị trường Mỹ (WTI), thị trường Anh (Brent) hay thị trường Singapore (Platt's) hoặc tham khảo ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định giá dầu thô đang khai thác của người nộp thuế.

2. Đối với khí thiên nhiên, giá tính thuế là giá bán khí thiên nhiên tại điểm giao nhận, được xác định theo hợp đồng mua bán khí thiên nhiên, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí, có tính đến thời điểm tính giá, thị trường và các yếu tố liên quan khác (nếu có). Khi cần thiết, cơ quan thuế sẽ tham khảo ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định giá khí thiên nhiên đang khai thác của người nộp thuế.

Điều 6. Các quy định chung khác

1. Trường hợp một tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo nhiều hợp đồng dầu khí khác nhau thì việc thực hiện quy định về thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện riêng rẽ theo từng hợp đồng dầu khí.

2. Các hướng dẫn về quản lý thuế không hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ
Mục 1
THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 7. Đối tượng chịu thuế tài nguyên

1. Đối tượng chịu thuế tài nguyên là toàn bộ sản lượng dầu thô và khí thiên nhiên thực tế khai thác và thu được từ diện tích hợp đồng dầu khí, được đo tại điểm giao nhận (sản lượng dầu thực, sản lượng khí thực).

2. Trường hợp Chính phủ Việt Nam sử dụng lượng khí đồng hành của người nộp thuế, không trao đổi, không bán thu tiền thì người nộp thuế không phải nộp thuế tài nguyên đối với lượng khí đồng hành này.

3. Trường hợp trong quá trình khai thác dầu thô và khí thiên nhiên, người nộp thuế được phép khai thác tài nguyên khác, thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên thì thực hiện nộp thuế tài nguyên đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật thuế Tài nguyên và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Kỳ tính thuế tài nguyên

- Trường hợp hợp đồng dầu khí không có thỏa thuận hoặc có thỏa thuận thực hiện theo quy định hiện hành hoặc có thỏa thuận phân bổ sản lượng dầu, khí thực thành dầu, khí thuế tài nguyên được thực hiện theo quý, được tạm tính vào thời điểm lấy dầu khí và được điều chỉnh cuối cùng sau khi kết thúc năm thì kỳ tính thuế là năm dương lịch.

- Trường hợp hợp đồng dầu khí có thỏa thuận việc phân bổ sản lượng dầu, khí thực thành dầu, khí thuế tài nguyên để nộp thuế được thực hiện theo từng quý, được tạm tính vào thời điểm lấy dầu, khí và được điều chỉnh cuối cùng sau khi kết thúc quý thì thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí (kỳ tính thuế theo quý).

- Kỳ tính thuế tài nguyên đầu tiên bắt đầu từ ngày khai thác dầu thô, khí thiên nhiên đầu tiên cho đến ngày kết thúc năm dương lịch hoặc kết thúc quý.

- Kỳ tính thuế tài nguyên cuối cùng bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm dương lịch hoặc ngày đầu tiên của quý đến ngày kết thúc khai thác dầu thô, khí thiên nhiên.

Điều 9. Xác định số thuế tài nguyên phải nộp

1. Thuế tài nguyên đối với dầu thô, khí thiên nhiên được xác định trên cơ sở lũy tiến từng phần của sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên bình quân mỗi ngày khai thác được của tổng sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên thực khai thác trong mỗi kỳ nộp thuế từ diện tích hợp đồng dầu khí, thuế suất thuế tài nguyên và số ngày khai thác thực trong kỳ tính thuế.

2. Xác định thuế tài nguyên bằng dầu thô hoặc khí thiên nhiên phải nộp:

Thuế tài nguyên bằng dầu thô hoặc khí thiên nhiên phải nộp	=	Sản lượng dầu thô, hoặc khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên bình quân ngày trong kỳ tính thuế	x	Thuế suất thuế tài nguyên	x	Số ngày khai thác dầu thô, hoặc khí thiên nhiên thực trong kỳ tính thuế
--	---	--	---	---------------------------	---	---

Trong đó:

+ Sản lượng dầu thô hoặc khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên bình quân ngày trong kỳ tính thuế là toàn bộ sản lượng dầu thô hoặc khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên khai thác trong kỳ tính thuế chia cho số ngày khai thác thực trong kỳ tính thuế.

+ Thuế suất thuế tài nguyên: thực hiện theo quy định của pháp luật thuế tài nguyên. Trường hợp hợp đồng dầu khí đã được ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 có thỏa thuận cụ thể về thuế suất thuế tài nguyên thì thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí đã ký kết.

Việc xác định dự án khuyến khích đầu tư dầu khí để làm căn cứ áp dụng thuế suất thuế tài nguyên căn cứ vào danh mục các dự án khuyến khích đầu tư dầu khí do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

+ Số ngày khai thác dầu thô hoặc khí thiên nhiên thực trong kỳ tính thuế là số ngày tiến hành hoạt động khai thác dầu thô hoặc khí thiên nhiên trong kỳ tính thuế, trừ các ngày ngừng sản xuất trên toàn bộ diện tích hợp đồng do mọi nguyên nhân.

Ví dụ 1: Xác định thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp đối với trường hợp khai thác dầu thô (giả sử theo quý):

Giả sử:

+ Tổng sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên, khai thác trong kỳ nộp thuế: 12.000.000 thùng.

+ Số ngày sản xuất trong kỳ nộp thuế: 75 ngày.

+ Sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên bình quân ngày trong kỳ nộp thuế: 160.000 thùng/ngày (12.000.000 thùng:75 ngày).

+ Dầu thô được khai thác từ hợp đồng không thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư (trường hợp dầu thô được khai thác từ hợp đồng thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư thì tính tương tự với thuế suất thuế tài nguyên áp dụng đối với dự án khuyến khích đầu tư).

Thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp trong kỳ nộp thuế được xác định như sau:

$\{(20.000 \times 10\%) + (30.000 \times 12\%) + (25.000 \times 14\%) + (25.000 \times 19\%) + (50.000 \times 24\%) + (10.000 \times 29\%)\} \times 75 \text{ ngày} = 2.156.250 \text{ thùng.}$

Ví dụ 2: Xác định thuế tài nguyên bằng khí thiên nhiên, phải nộp đối với trường hợp khai thác khí thiên nhiên (giả sử theo quý):

Giả sử:

+ Tổng sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên, khai thác trong kỳ nộp thuế: 855.000.000 m³.

+ Số ngày sản xuất trong kỳ tính thuế: 75 ngày.

+ Sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên bình quân ngày trong kỳ nộp thuế: 11.400.000 m³/ngày (= 855.000.000 m³ : 75 ngày).